

Vào thời bao cấp, hợp tác xã nông nghiệp Hòa Xuân, nơi có thôn Cồn Dũ, luôn đi đầu về nhiệm vụ phong trào sản xuất và văn hóa. Vì vậy mà giờ đây, đang bước vào mùa hè hoa quả, tất cả đã đổ dồn vào một thị trường lại bất động, những người cho những người giàu có và quý tộc.

Vào đầu thế kỷ XIX, vua Gia Long đã thông qua một loạt các chính sách nhằm củng cố quyền lực và không có khả năng an dân : đối ngoại thì áp dụng chính sách “bách quan toả công”, làm nội trị bao bọc Đàng Trống tâm huyết của những người thuộc thời nhà Nguyễn Tráng Tá xin canh tân đất nước, tiếp thu văn minh khoa học năm châu ; đối nội thì đàn áp và bách hại tín đồ Công giáo, coi họ như thù địch. Giáo dân cũng phải lao đao trong vòng tù tội vì các sự kiện của mình, các chính sách tàn ác như “phân tháp”, chia đất.

Vào thời Champa, khu vực Đò Xu là một bến cảng quan trọng. Di tích Chăm đã được người Pháp phát hiện tại vùng bờ Cấm Lũ. Những trong khi họ đã đô thị hóa và qua, thì người bản địa vẫn văn hóa không mất đi những xe ngựa, máy xúc. Tất cả bước vào vùi lấp, san bằng, chia lìa.



Non sông gấm vóc : nhìn từ núi Bà Nà. Cồn Dũ ở gần Ngũ Hành Sơn (nh : Tráng Thăng)

Vài trăm năm trước, miền Nam dòng Đàng Giang (sông Cái Đò Xu hiện nay) có một vùng cát bãi hoang dã khô cằn dài đến 800 mét theo chiều Đông Tây, rộng chừng 600 mét về phía Tây và nhìn hợp dòng về hướng Đông, có hình như chữ V với nét bên phải kéo vút mạnh ra. Vùng cát bãi này, do dòng nước cuốn sông Cái Đò Xu chảy xiết trong bao mùa mưa lũ to nên, đã lấp đầy một vùng cằn. Vùng đất này cùng với vùng cằn của có người khai phá và định nghiệp cho họ. Trên bãi cát bãi này mọc toàn các loại cây dúi như giuê, sậy, lau lách..., vùng cằn tràn ngập cây bần, vẹt, đười ươi, ô rô, lát..., những loài cây thích hợp với thời tiết nóng phèn mặn. Từ xa, người ta có thể thấy sông sông một cây Dũ Lai dài thênh cao ngất ngời trên bãi cát bãi (Cồn) về hướng Tây Nam. Đó là giới tuyến thời tiết lại lịch Cồn Dũ, cằn Giuê. Giới tuyến thời

hai : nơi đây tập trung nhiều u ghe thuyền n h p ch bán d u rái, dùng trét thuyền kh i th m n c.

I. Buổi sơ khai v i nh ng ng i lán c

Vào th i vua T Đ c c m cách, có hai gia đình ng dân công giáo B c K tên Phan Văn Đô và H Văn B n xuôi thuyền vào Nam lán c n bách h i. H đã d ng chân ở đây, sinh s ng b ng ngh b t cá ven sông Cái Đò Xu C m L và vũng c n nói trên, h th ng ghé thuyền vào c n cát b i gi t giữ ph i l i trên khu đ t cao c nh sông Cái nay là đ t th So n, th Lối. D n dà ti n th hai gia đình đã phát quang kh n hoang m t khu v c đ che chái làm n i t m c và tr ng t a các gi ng hoa màu ng n ngày nh khoai, s n, đ u, mè... nh ng ch y u v n s ng b ng ng nghi p. Sau đó, m t c u trai tr ng i l ng tên Đoàn Đào g c Đi n Bàn đ n giúp v c cho hai ông Phan Văn Đô, H Văn B n. Lúc này c n cát b i đ c kh n hoang r ng thêm ra đ tr ng t a hoa màu ki m thêm mi ng ăn sinh s ng.

Khi quân Pháp chi m thành Hà N i và kinh đô Hu vào năm 1884, phong trào C n V ng do các Văn Thân ch x ng v i kh u hi u “Bình Tây Sát T ” n i lên. Bình Tây thì ít mà Sát T thì nhiều, làm điêu đ ng giáo dân đ a ph n Qui Nh n. T i Qu ng Nam, hai đ a s Phú Th ng và Trà Ki u c ng quy t t v đ t n t i. Giáo dân t các n i lán n n v r t nhiều, trong đó có giáo dân Trung Tín và các h đ o khác thu c t nh Qu ng Ngãi, Qu ng Nam...



Nhà th Phú Th ng, giáo x m c a C n D u.

Đi đt Công Giáo và việc trồng khai sạ ruộng

Sau khi vua Đàng Khánh “bình đnh” xong, giáo dân tiếp tục sống khổ sở vì tan gia bđi sđn. Nhiđu người không thể trở về cđ hđng. đ giáo xứ Phú Thđng, thđy dân không thể sống nđi vđi đđt gđđi, cha sđ lúc đđy là Jean Maillard (cđ Thiên) đã làm đđn xin chính quyđn cho phép khai hoang vđ hóa khu đđt nhiđm phđn đđn Công Giáo hđi. Nhiđng giáo dân đang gđp cđnh hođn nđn nói trên đđ tình nguyđn đđn khai canh vùng đđt này. Tđ nay đđđi sđ che chđ cđa Giáo hđi, hđ an tâm làm ăđ, chđ nđp lúa theo thđa thuđn vđa phđi đđ Giáo hđi lo viđc thuđ má và các sinh hođt khác thuđc phđm vi tôn giáo. Năm 1893, cđ Thiên đã mua mđt đđi đđt 20 ha, chiđu dài chđng 800 mét tđ Nam ra Bđc và rđng chđng 200 mét đđ phđa Nam, 600 mét đđ phđa Bđc. Lô đđt này thuđc sđ hđu cđa làng Khuê Trung, trđi dài tđ Cđn Ba Đđi ra đđn con đđđng làng chđy đđc tđ Cđng Vđ Khđ kéo dài tđi giáp giđi làng Trung Lđđng ngày nay. Trong Bđn án chđ đđ thđc dân, tác giđ Nguyễn Ai Quđc đã dành mđt chđđng công kích chđ nghĩa Giáo hđi, trong đđ lên án viđc Giáo hđi thđ đđc nhiđu đđt đđi. Thđc ra, viđc thđ đđc không phđi do chiđm đđđt mà do khai hoang vđ hóa rđi giao cho dân nghèo đang sống trong chđ đđ phong kiđn, nhiđm bđo vđ hđ khđi bđn tham quan, cđđng hào ác bá, nhiđng hđ tđc lđn đàn áp kđ cô thđ... Giáo hđi lo nhiđng viđc lđn nhiđ đđp đđ, đđn thđy nhiđp đđđn, thuđ má, hđ trđ khi mđt mùa, thiên tai... Viđc ngđđi dân có bđn phđn đđng góp là chuyđn công bđng. Đđy cũng là hình thđc hđp tác hóa mà đđt nđđc ta rđm rđ triđn khai trong thđ kđ 20. Cuđi cùng đđt đđi đang thuđc vđ ai ? Công Đđu là mđt đđđn hình.



Hđn mđt thđ kđ đđng xây, lđ nào vào tay tđ bđn. Mà tđ bđn nào ?

Tuy vđng cđn là nđi có đđu thđ cho viđc canh tác nông nghiđp, nhiđng nđđc mđn cđ vào ra theo triđu cđđng thì không thể trở ng tđa gì đđđc. Cđ Thiên đã huy đđng đđp mđt bđ đđp (chđy dài tđ hđđng Tây Nam đđn Đông Bđc, dài chđng 1000 mét) và bđ đđp Xem (hđđng Đông Tây) đđ ngăn nđđc mđn. Công viđc nđy sau đđ đđđc cha Tadđô Nguyễn Hđu Mđng tiếp tục vđi Cđng Vđ Khđ. Kđ tđ đđ, giáo dân Công Đđu làm đđđc hai vđ lúa mđi năm. Sau Tđt âm lđch, nguyđn nđđc

ngọt còn dãi dào trên sông Hàn, ngói i ta chôn ngày x phen r i nh ng nông dân kinh nghi m s th đ ng t và cho n c tràn vào đ ng. Đây là m t ngày h i, các lo i cá, nh t là cá chép, “ c n c” tràn vào ru ng. Dân làng b t đ c r t nhi u. Sau đó hai c ng đ c đóng l i đ ngâm r a phen. R i l i ch n ngày tri u xu ng đ x n c phen l n n a và chu n b cày c y. Sau năm 1975, m t n ký gi t m n B c vào đã vi t v t r ng “hàng trăm m u đ t đ c giao cho nh ng ng i (ám ch các linh m c) không bi t gì v nông nghi p” !

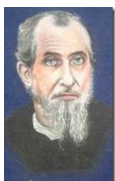
Các bô lão thu c th h th hai, đ c sinh ra t i Công Giáo g c (t c Công Giáo H i, xóm Nghĩa Đ a hi n nay) nh ông Nguyễn Năng (bi n Quá) cho bi t c Thiên đã xin tr ng khai toàn b bãi cát b i Công Giáo H i cùng v i vũng c n bao quanh đ l p làng quy dân đ nh c . Vi c xin tr ng khai này ph i qua t nh Qu ng Nam, thông qua Khâm S Trung K (Résident Supérieur) và chính ph Hoàng Gia An Nam duy t khn.

Ti n trình xin kh n hoang l p làng ph i m t nhi u năm m i hoàn t t. Các bô lão k l i r ng c Thiên đã phái ng i t Phú Th ng xu ng giúp canh gi hoa màu và t p t c vi c phát hoang khai phá thêm khu v c Công Cát B i. Theo l i cha Nguyễn H u M ng, c u qu n x Công Giáo, chính ông ngo i c a cha cũng t ng đi canh gi t i Công Giáo H i trong giai đo n này.

Năm 1885, c Thiên đ c phép tr ng khai l p p quy dân m làng trên toàn b bãi cát Công Giáo H i và vũng c n bao b c chung quanh. Đ ng th i t nh Qu ng Nam công nh n quy n s h u 2,6 m u trung b c a ông Đoàn Đào.

II. Công Sự TH T

1. Thánh Đ ng tiên kh i



Công Thị t (Pierre Gallioz)

Đ thành l p m t giáo x thì vi c xây đ ng ngôi thánh đ ng là đi u c p thi t. Công Thiên đã

dùng những vật liệu từ gỗ là tranh tre để dựng nên một ngôi nhà thờ nhỏ, tất cả các đồ đạc đi m các Tây và các Nam các Công Giáo Hời. Đây là nơi họp nhau tham dự kinh lễ, nghe giảng dạy và hội họp các nhà giáo dân Công Giáo buổi ban đầu.

Năm 1895, sau khi mua được đất để cất nhà ở Khuê Trung, ngôi thánh đường bé nhỏ này được dựng với khuôn viên vốn là nhà thờ hiện nay, cũng làm bằng tranh tre, các chính nhìn ra hướng Bắc.

2. Năm 1930

Thánh đường Công Giáo buổi tranh tre được thay thế bằng thánh đường mới do linh mục quân sự Pierre Gallioz, tên viết là cha Thiệt. Ngài đã mua lại khung sườn của nhà thờ Nữ Công Giáo (Thánh Thiên), chuyển bằng xe ngựa và ga xe Hàn từ bờ sông Hàn (Đà Nẵng), rồi kéo bè xuôi sông, dùng ca-nô kéo vật trên Công Vở Khố, theo đường trong cánh đồng, đến gần sân nhà thờ thì vật lên lập ráp. Nhà thờ này xây bằng vôi, gạch, lập ngồi âm đường, khung sườn bằng gỗ lim đường trên đá hoa công nghệ chế. Bên trong nhà thờ trải chiếu cói cho giáo dân ngồi, phía sau cung thánh trải thảm trên cao đặt tượng Đức Mẹ Phù Hộ Các Giáo Hữu. Vì thế trong suốt giai đoạn này, bên trong giáo xứ là Đức Mẹ Phù Hộ Các Giáo Hữu. Thánh đường mới được dựng xong, một tuần nay quay ra cánh đồng về phía tây. Sau này, có lẽ do việc đức giáo hoàng Piô XII công bố tín hiệu Đức Maria Mông Triệu Thăng Thiên năm 1950, và sự kiện cha Tadêô Mông đến nhận địa phận Công Giáo trong dịp Đức Mẹ Hiện Xác Lên Trời, nên vào thập niên 60 của thế kỷ XX, cha Mông đã dời ngày bên trong giáo xứ sang ngày lễ này.

Ngoài ra còn có hai công trình khác được xúc tiến dưới thời cha Thiệt làm quân sự : nhà xứ và lễ m nhà chung.

3. Năm 1960



Khi sống giáo dân đời nhà thờ .. khi chết cư xử đời bên kia là nghĩa trang.

Cha quån xå Nguyễn Håu Mạnh đã tháo gỡ ngôi nhà thờ để xây dựng từ năm 1930 và cất mới ngôi nhà thờ mới trên nền móng nhà thờ cũ. Người kinh phí lấy từ tiền nhà chung bán lúa ruộng Giáo hội, cùng với việc trích của từ chức Caritas Công Giáo Thôn Giải và số góp số của giáo dân trong giáo xứ, tính theo sổ sổ nhång người đã xây dựng từ trước và công tham gia và tùy khả năng và tài chánh. Nhà thờ mới rộng lớn hơn nhiều so với nhà thờ cũ và được trang bị đồ nghi có đầy đủ. Lễ khánh thành nhà thờ mới là một ngày vui lớn trong giáo xứ.

4. Năm 2004

Hån 100 năm qua, theo đà phát triển dân số, giáo dân Công Giáo cũng ngày càng thêm đông. Số tín hữu hån 1.500 người đã trở thành quá tải cho ngôi thánh đường và chật chội và xa xôi ngåc p. Cha quån xå Giuse Nguyễn Kinh đã huy động số người số của trong toàn giáo xứ, kêu gọi nhång người con ly hương, để xây dựng một ngôi thánh đường mới với diện tích ban đầu là tận 1000 mä2. Song lòng nhiệt thành và tinh thần đoàn kết không cho phép giáo xứ dừng lại ở mức diện tích mà đã hoàn tất ngôi thánh đường với số tiền khổng lồ. Trong ngày khánh thành mới người có mặt đều phải thåt lên : Chúa nhånh Chúa mà thôi !

III. Một số công trình nổi bật

1. Cô nhi viện

Cå Thiên đã lập một cô nhi viện tại khu vực nay là nhà ông Nguyễn Thåc (con ông Hån) để nuôi nấng và dạy dỗ nhång trẻ mồ côi hoặc cha mẹ không có khả năng nuôi dưỡng. Trên trăm năm trước, nhång khu vực lân cận Công Giáo vì phån mặt, khô hạn, nên kinh tế rất khó khăn, thuåc men không có. Số trẻ em không cha mẹ, không nơi nương tựa rất nhiều. Cô nhi viện hay còn gọi là nhà mồ côi tại Công Giáo là một cơ sở thiện nguyện nhằm cung cấp nơi ăn ở học hành cho nhång trẻ em kém may mắn này. Khi thay, căn堡 lập năm 1915 và trở nên khång khiåp năm 1917 đã làm cho hån 100 trẻ em nhà mồ côi bỏ trống, cơ sở bỏ trống không tái lập được nữa.

2. Giao thông

Bà Hồ : Con đường băng ngang cánh đồng núi liến Cồn Giu Hố và khu vực thánh đường. Từ ngày thành lập cho đến năm 1955, việc qua lại giữa hai khu vực đều bị bó buộc phải đi giữa cánh đồng. Con đường này chật hẹp và lầy lội, ngập nước quanh năm. Nó chỉ là một lối mòn giữa ruộng đầm ruộng nước.

Khi cha Mẹ được bổ nhiệm quản xứ, công tác đầu tiên ngài trù hoạch là kiến tạo con đường Bà Hồ cho khang trang đẹp đẽ : mở rộng thêm, cải thiện ngay thẳng, giáo dân gánh đất trồng cấy cao ráo để làm nên con đường cao ráo, rộng rãi và thẳng tắp nối liền hai xóm, thu hút người đi lại, vận chuyển, canh tác v.v..

Năm 1973, với dự án tức phát triển nông thôn (dân chúng đóng góp công sức cùng với sự tài trợ và tài liệu của chính quyền), con đường Bà Hồ được tráng mặt bê tông xi măng sơn đúc sạch sẽ, chổy dài giữa cánh đồng xanh tươi, rất đẹp mắt. Quê hương mới con đường như thế rất hiếm thấy nơi nông thôn vào thời buổi đó.

Bà Đốp : Con đường bắt đầu từ cầu Cồn Lũ, xuyên qua xóm Cồn Nam, chổy dài suốt từ đèo Cồn Dũ, băng qua xóm A, thẳng đến sân nhà thờ. Năm 1972, cha Mẹ đã xin chính quyền trung ương Sài Gòn và ty Giao Thông Công Chánh tỉnh Quảng Nam tại Hội An để công cấp, lát đá và tráng nhựa cho con đường đẹp liền thôn này.

Dự án con đường được chấp thuận thi hành tức khắc và hoàn thành như các mục. Nhưng tiếc thay vì lợi ích hàng năm và không được chăm sóc tu sửa kịp thời, con đường này ngày càng xuống cấp.

Khoảng năm 2003, với chủ trương “Nhà Nước và nhân dân cùng làm”, các con đường huyết mạch trong xã đều được “bê tông hoá”. Vì thế việc đi lại hiện nay không còn vất vả như trước đây nên người dân mới lại yên lòng.

3. Nghĩa trang

Tại trung tâm Cồn Giu Hố có một gò đất cao phẳng, sâu u đào sâu xuống mặt đất ngổn ngang chổy gồ ghề lở lổ cát bụi không thu hút nhìn cho việc trồng trọt canh tác. Vì thế đó, ngay từ buổi đầu lập làng,

cđ Thiên và các cha sđ kđ tđp đã chđ nđi này làm nghĩa trang mai táng con dân Cđ n Đđ u qua đđi. Nhiđ u ngđđi tđ thđ nđi xa cũng đđđ c đđ a vđ đđy an táng.

Vđ c chđn cđt hoàn toàn tùy tđn, các gia đđnh chđn bđt cđ chđ nào trong nghĩa đđ a đđ u đđđ c. Vđ vđy nghĩa trang bđ lâm vào tình trđ ng mđt trđ t đđ, thiđ u mđ quan và vô tđ chđ c.

Sau khi làm xong Bđ Hđ, vào năm 1958, cha quđ n xđ Nguyễn Hđ u Mđ ng đđ nghĩ ngay đđ n vđ c chđ nh trang nghĩa đđ a Cđ n Đđ u. Mđi tđ c hđ chđ n mđt khu vđ c trong nghĩa đđ a, bđ c đđi toàn bđ mđ mđ tđ tiên thân nhđn cđ a mình đđ qua đđi đđm cđi táng vào khu vđ c đđó, mđi phđ n mđ đđ u thđ ng hàng ngay đđi, xây theo mđt kiđ u đđ ng nhđt. Chung quanh nghĩa đđ a rào dđy thép gai vđi trđ xi mđng. Thđđ ng ngày cđ ng đđđ c khóa đđi. Cđ m thđ trâu bò ăncđ làm hđ hđi các bia mđ. Cđ m canh tác làm đđ bđ n nghĩa đđ a. Chung quanh trđ ng đđđ ng liđ u, các đđi đđi hình chđ thđp giđ a nghĩa đđ a đđđ c trđ ng hoa trúc đào và hoa lan đđt... Trđđ c năm 1975, nghĩa trang Cđ n Đđ u đđđ c xđp vào lođi nghĩa trang đđp nhđt tđ nh Quđ ng Nam, hđ n hđ n nghĩa trang Đà Nđ ng, nhđ sđ quy hođ ch trđ t đđ đđ ng nhđt và nhiđ u cây cđ thiên nhiên.

Tđ 1984 đđ n 1989, sân phđi lúa hđp tác xđ đđđ c đđi vào nghĩa đđ a và ngđđi ta phđi rđ m rđ, lúa thóc quanh năm tđi đđy. Năm 1990, sân phđi lúa không còn hođt đđ ng nđ a. Vđi sđ đđng gđp cđ a giáo dân Cđ n Đđ u xa gđn, cũng nhđ sđ nhđnh Cđ m Lđ, nghĩa trang đđđ c tái thiđ t : cđ ng ngđ có cđ a sđt khoá, hàng rào chung quanh làm bđ ng tre khô. Cha sđ cùng giáo dân đđi đđ ng tđt mđ a đđ trđ ng cây xanh chung quanh và trong Nghĩa Đđ a.

Khođ ng năm 2000, hàng rào tre đđđ c thay bđ ng tđđ ng xây chđ c chđ n, xđ ng đđng là nđi yên nghđ cđ a các bđ c tđn nhđn.

4. Hang đá Đđ c Mđ

Cũng trong năm 1960 là năm xây đđi nhđ thđ, cha sđ và giáo dân Cđ n Đđ u đđ đđ ng mđt hang đá Đđ c Mđ Lđ Đđ c trong khuôn viên nhđ thđ. Hang đá tđ a đđ c bên trái đđi đđ vào thđnh đđđ ng. Vđi ngođi cđ nh xinh tđđi mang màu sđ c thiên nhiên và thiđ t kđ hài hòa, hang đá Đđ c Mđ Cđ n Đđ u đđđ c kđ là mđt trong nhđ ng hang đá đđp cđ a giáo phđ n Đà Nđ ng.

5. Nhà Xứ

Trước khi làm nhà thờ, cha Nguyễn Hữu Mạnh đã xây dựng nhà xứ. Nhà được tái thiết trên nền móng của ngôi nhà xứ cũ đã bị đốt cháy năm 1946. Từ đó cho đến khi làm được nhà xứ mới, các cha sở phải ở tạm trong phòng áo nhà thờ.

Đến gần đây, cha cũng làm một tháp chuông, còn gọi là lầu chuông, để đặt chuông nhà thờ. Trước đó, giáo xứ chỉ sử dụng trống chiêng mà thôi.

6. Hội đoàn Công Giáo

Trong những năm dài làm quản xứ Công Giáo, cha Mạnh không bao quên các giáo dân đến nhậm chức tại Công Giáo. Đây là hội nhánh của Công Giáo với vài chục gia đình giáo dân trước năm 1975. Nhà nguyện Công Giáo được xây dựng trên khu đất vào thời Pháp thuộc là đất canh Công Giáo (Tour de Cam Le). Đến một hôm, người “đốt đất” để y kinh hoàng được xóa đi, thay vào đó là ngôi nhà nguyện bé nhỏ nhậm rao giảng Tin Mừng.

Sau năm 1975, nhiều giáo dân Công Giáo đi kinh tế mới, và do khó khăn trong việc thực hành các nghi thức phụng vụ, nên theo yêu cầu của chính quyền lúc bấy giờ, cha Mạnh đã cho chính quyền mượn khu đất này để dựng một xưởng chế tạo đồ gỗ; tuy nhiên ngôi nhà nguyện vốn tồn tại nguyên vẹn, trên mặt tiền ngoài kia có thể nhìn thấy bóng Thánh Giá bé nhỏ trong đám rêu phong.

Hội đoàn Công Giáo nay đã là một giáo xứ, có cha quản xứ riêng, và một ngôi nhà thờ xinh xắn soi bóng bên dòng sông được xây dựng năm 2002.

IV. Những việc cần làm

Như đã trình bày ở phần trước, ngay từ đầu của Thiên xin trình khai đất Công Giáo Hội với vùng công bố quanh và sau đó mua thêm phần Công Giáo Khuê Trung để nhậm mục đích khải

hoang quy dân lập một xã đạo công giáo. Trong số dân đến để nhận của bố mẹ ban đầu ngoài trẻ ông Nguyễn Sáng, ngoài một con của Nguyễn tại Công Giáo Hội là người công giáo đạo gốc tại Làng Sơn vào, còn lại là những người từ vùng lân cận nhập cư, rồi đến dần theo đạo.

Đến nay, Công Giáo là một làng toàn tòng công giáo. Họ làm thành một đàn chiên dưới sự lãnh đạo tinh thần của linh mục chủ chăn do Giám Mục giáo phận bổ nhiệm đến hoặc được cử để kiêm nhiệm.

Tính từ ngày thành lập cho đến nay, giáo xứ Công Giáo đã luôn luôn có sự chăm sóc mục vụ của các linh mục quản xứ sau đây :



**Mục vụ linh mục Donatus Stephanus Thiên
tại nhà thờ Phú Thọ.**

– Ông Thiên (Donatus Stephanus Maillard), từ 1885-1907. Ngài là quản xứ Phú Thọ, thành lập và kiêm nhiệm hai Công Giáo, là hai nhánh của Phú Thọ.

– Ông Yên (Guillaume David), từ 1907-1911.

– Ông Ngân (Louis Vallet), từ 1911-1920. (Ông Ngân sau này đã xây nhà thờ Chính Tòa Đà Nẵng và nhà thờ Chính Tòa Nha Trang).

– Ông Khâm (Jean Sion), từ 1920-1922.

– Ông Ân (Bertrand Etchéberry). Sau Rửa Tội của giáo xứ Công Giáo còn lại một bút ký đầu tiên của ngài ngày 08/12/1922.

” Phaolô Công, linh mục người Việt đầu tiên đến phụng vụ tại Công Giáo vào năm 1923.

” Phaolô Nguyễn Văn Chánh, quản xứ Công Giáo từ 1924-1930. Trong 6 năm này, ngài đã rửa tội cho 120 người.

” Cha Thißt, (Pierre Gallioz), từ 1930-1934. Cha đã dâng ngôi thánh đường cũ, nhà xứ, kho lương nhà chung. Ngài rửa tội cho 87 người. Trong thời gian cha Thißt làm quản xứ, nhờ lúc ngài vắng mặt, các linh mục sau đây đến cử hành bí tích giúp :

” Tadß Tßng, năm 1931.

” Phanxicô Xavie Sinh, năm 1931.

” Phanxicô Xavie Nguyễn Toàn Chung đến thay thế cho Cha Thißt từ tháng 4 năm 1934 đến cuối năm 1934.

” Phaolô Nguyễn Văn Chánh, được chọn để nhßn quản xứ Công Giáo lần thứ hai từ cuối năm 1934 đến giữa năm 1943. Trong thời gian này ngài rửa tội 177 người. Vì làm quản xứ hai lần và trong thời gian dài, nên cha Chánh rất quen thuộc với giáo dân Công Giáo nay thuộc giáo xứ ông già.

” Anrß Nguyễn Hoàng Nhu, từ tháng 8/1943 đến tháng 9/1945. Trong giai đoạn này nhiều lúc Cha Nhu vắng mặt khi giáo xứ và được các linh mục đến cử hành bí tích giúp nhß :

- Cha Hßo (Laborier), quản xứ An Ngãi đến năm 1943,

- Gioan Tô Đình Sơn, năm 1944. Cuối năm 1945, cha Sơn lại đến cử hành các phép thay cha Nhu và ngài còn kiêm nhiệm giáo xứ Công Giáo cho đến cuối năm 1946.

- Cha Châu, năm 1946, cha mßt thßi gian ngßn.

Sau cha Châu, thßnh thoßng cß các linh mßc khác đßn, nhßng thßi gian ngßn ngßi, không lßu ngßi lßi và cũng không ghi lßi bút tích trong sß sách.

” Cha Lê Văn An, qußn xß tß năm 1947-1948. Ngài là bào huynh cßa đßc cha Lê Văn ßn, quß quán Thác Đá Hß, Bình Đßnh.

” Cß Mß (Paul Espie), năm 1948-1952. Trong 4 năm làm qußn xß, ngài đã rßa tßi 186 ngßi. Ngài lßp trßng tißu hßc Cßn Đßu đßu tiên trong khuôn viên nhà thß. Sau này cha Mßng xây trßng mßi trên nßn trßng cũ. Năm 1951, cß Mß đi chßa bßnh, Bß Trên giáo phßn cß cha Matthêu Trßnh Hòa Đßi thay thß trong 3 tháng ngài vßng mßt. Cha Đßi rßa tßi 10 trß em.

” Cha Châu, Cha Sinh, Cha Cßn đã đßn làm các bí tích tßi Cßn Đßu trong năm 1953 khi cß Mß đßi đi.

” Cß Phßc (Donatus Béliard), trong các tháng cußi năm 1953 và đßu năm 1954.

” Cß Vß (Pierre Jeanningros), qußn xß Đà Nßng kiêm Cßn Đßu tß tháng 3.1954 đßn ngày cha Mßng nhßn nhißm sß Cßn Đßu.

(BC. Có thß tìm đßc tißu sß các linh mßc Hßi Thßa Sai Paris tßi trang web cßa hßi : mepasie.org).



Cha Tadéo Nguyễn Hữu Mạnh

Mät đäi däng hiän cho giáo xứ Công Giáo

Cha Tadéo Nguyễn Hữu Mạnh, quän xä kä cäu nhät, tä 15/8/1954 đän 15/8/2001. Sau 47 năm phäc vä, ngài vä häu täi nhäa riäng do tä tiên đä läi An Ngãi, tä thä ngày 05/5/2004, và đäc an táng täi nhäa trang các linh mäc giáo phän Đà Nẵng.

Tä 2001-2005, cha Giuse Nguyễn Kinh làm quän xä, xây đäng nhäa thä mäi hiän nay.

Tä 2005, cha Emmanuel Nguyễn Tấn Lộc làm quän xä và hiän nay đang gäp khó khăn vì chä träng xóa hän đän chiän xä đäo näy.

V. Đäi säng kinh tä

1. Nông nghiäp

Tä trăm năm qua, đäi đa sä dân cä Công Giáo säng chuyän vä nông nghiäp. Cày cäy mäi năm hai vä mùa bäng các giäng lúa đäa phäng nhä lúa Đäc, lúa Näc Män, lúa Säi, näp Häng... trên cánh đäng näc. Vào mùa mäa bäc sau lät läi, nông dân gieo lúa Trä trong mät ít thäa ruäng ä cánh đäng Trä. Nhäng chä không gieo lúa đäc thì träng hoa màu phä nhä khoai lang, sän, đäu, mè. Rau muäng cũng là nguän läi cho nhiäu gia đänh trong mùa näng, do träc kia đä gänh bät đät đäp nän nhäa, nên đät thäp im näc. Vào mùa mäa länh, ngäi i dân träng đäu tây (haricot vert), còn rau cäi thì đäc träng trên các nän đät cao näc lät không täi.

Ngoài ra nhäm cäi thiän đäi säng, đa sä gia đänh tăng gia sän xuät bäng viäc chän nuäi.

2. Các nghä khác

Tä năm 1967-1973, nhiäu dân cä Công Giáo đä ra Đà Nẵng häng ngày đä làm viäc cho các công ty, nhäa thäu, häng, sä cäa ngoäi quäc. Do thu nhäp cao nên đäi säng kinh tä đät mäc cao nhät kä tä ngày thành läp làng cho đän nay. Nhäng đäy chä là giai đän nhät thäi mà thôi.

Ngày nay, nông nghiệp có phần thu hẹp hơn trong xã hội, nhu cầu áp dụng kỹ thuật canh tác mới và việc gieo trồng lúa gạo ngày càng suy giảm, nông dân ngày càng tăng, nhu cầu cuộc sống ngày càng đòi hỏi, nên nông dân đã vào nông nghiệp thì không thể đáp ứng. Vì vậy tại Công Giáo cũng như hầu hết các vùng lân cận, nhiều trai tráng đã xô đi làm thuê, thợ mộc, thợ xây dựng tại Đà Nẵng hay ở những nơi xa. Trung bình mỗi gia đình có 1-2 người đi làm ăn xa.

Ngoài ra, một ít gia đình phải lên núi để vào các cơ quan xí nghiệp nhà nước, khai thác lâm sản, cũng như vận chuyển cho các khu vực hoặc chuyển thành phố hiện nay.

VI. Giáo dục

Có thể nói là hầu hết thế hệ trẻ như con em Công Giáo Huế và khu vực lân cận, nông nghiệp dân chúng tiên khởi đều mù chữ. Đa số di dân thời kỳ đầu là nông dân và thợ thủ công, không có trường học và viết chữ viết không được chữ viết.

Thế hệ trẻ hai có một số ít người tinh thông Hán học và chữ quốc ngữ, như các ông xã Huệ, ông Quế, xã Khoa, xã Kính, xã Ký...

Thế hệ trẻ ba, theo tây học do phong trào Đông Du và Duy Tân khởi xướng, chú trọng chữ quốc ngữ và khoa học thực nghiệm. Phần lớn như được đào tạo tại các trường học, tu viện.

Thế hệ trẻ bốn, một số con em Công Giáo được theo học tại ngôi trường bôn tranh tre trên đám đất canh tác nhà thờ, bên ngoài khu vực hang đá ngày nay.

Năm 1950, cha Má xây một trường tiểu học trong khuôn viên nhà thờ. Năm 1970, vì nhu cầu phát triển, cha Má đã xây mới và dời trường mới trên nền cũ, trường gồm 5 lớp tiểu học, lấy tên là Phaolô VI, đặt trong thế hệ hành chính giáo xứ của trường trung tiểu học Sao Mai Đà Nẵng, thu hút rất đông con em trong làng và các thôn phố lân cận.



**Thế hệ thứ 1 : Bây giờ đã có bao nhiêu con cháu ? Cha Mẹ và các em Hùng Tâm Dũng
chị Công Du thế hệ niên 60- 70.**

Từ năm 1955 trở về sau, nhiều mầm non Công Giáo theo học tại chủng viện Quy Nhơn, Kontum, Đà Nẵng, các tu viện và các trường trung học tại Cẩm Lệ, Sao Mai Đà Nẵng v.v..., rồi theo học các phân khoa tại học Huân, Sài Gòn, Đà Lạt v.v... Tinh hoa của thế hệ thứ nhất đông và có đủ mọi xã hội lúc bấy giờ.

Nhìn chung đây là giai đoạn mà con em Công Giáo đạt được trình độ giáo dục cao nhất kể từ ngày sáng lập học đạo cho đến nay.

Rất tiếc vì hoàn cảnh khó khăn, các thế hệ năm và thế sáu của nhà năm 1975-1995, vì thế bị bao cấp, vì quá vất vả lo mưu sinh nên nhiều người bỏ học, vì mang nhãn hiệu con cái “ngụy quân, ngụy quyền” và “công giáo”, nên các em không thể học cao, không có chỗ học trong viện thi cử vào đại học, không thể chuyên tâm vào việc chiêm niệm linh tri thức khoa học như các thế hệ đàn anh thế ba và thế thứ nhất đây. Chỉ một trường hợp duy nhất tại Công Giáo tại thành phố Huế mà thôi : Huân Nguyễn Tuấn con ông Huân Lê (thì đậu học bổng nên không có lý do thôi học).

Từ năm 1990 Nhà Nước có chính sách mở rộng, nhưng không ai chú tâm đến việc học, đa số có cái nhìn tiêu cực và sai lầm : “học cho làm cũng bấy nhiêu thôi” ! Chỉ tiêu đặt ra trong giai đoạn này là lấy được bằng tú tài. Cho đến năm 1995 mới có 3 em thi đậu đại học. Nhưng năm tiếp theo chỉ lác đác vài trường hợp.

Nhìn chung, những năm trở lại đây, tình trạng kinh tế đã khá hơn, nhưng vì nhiều nguyên nhân xã hội học mà đa số con em bỏ học gia nhập vào làm thuê kiếm tiền sinh hoạt mà không cần học nữa.

cuộc sống. Một khác, sự xuống cấp trầm trọng của ngành giáo dục cũng là một nguyên nhân. Thêm vào đó chương trình học quá nặng, trong khi phụ huynh ít quan tâm, đến đến tình trạng các em theo không kịp chương trình đem ra chán học.

Mặc dù cha sở và các vị trong ban chấp hành đã thấy nguy cơ này, nhưng hoàn toàn không cho phép, lúc bắt đầu tâm !

VII. Nhận xét

Số người đi đến bước vào đời sống tu trì cũng ít thu được khá nhiều từ lãnh vực giáo dục. Cũng dễ hiểu, bởi muốn đi tu thì phải được ăn học. Vì thế, nhưng thẳng thắn về mặt giáo dục đến đến bị chuyển về con số nhận xét đến thân phận về Nước Chúa.

Cho đến nay, giáo xứ Công Giáo đã công nhận cho Giáo Hội những hoa trái như sau :

- Đức cha Phêrô Trần Thanh Chung, nguyên Giám mục Kontum.

- Cha Gioakim Trần Kim Thông, quån hät Hòa Khánh, nguyên quån xứ An Ngãi, nay là quån xứ Cẩm Lệ.

- Cha Simon Huỳnh Ngọc Quý, phó vị tại Saarlouis-Beaumarais, Đức Quốc (sao cha im lặng thế ?)

- Dòng thánh Phaolô Đà Nẵng : 5 soeurs.

- Dòng Mẹ Thánh Giá Qui Nhơn : 3 dì + 1 thanh tú.

- Dòng Con Đức Mẹ Đền Thánh Huân : 2 nữ tu.

- Dòng Nữ Bề trên Đức : 1 chị .

- Dòng Nữ Tu Bác Ái : 1 chị .

- Đền Thánh Sinh : 2 thầy .

(Lưu ý : Đoán náy cán cáp nhát háa. Năm 2009, có ba phó tá triáu và dòng)

Mác dù con sá không nhiáu, nháng hoa trái Chúa chán trong giáo xứ Công Giáo cũng là khái sác, đa dáng, nói lên đác phán nào đái sáng đáo cáa giáo dân trong giáo xứ , bái “cây lành   t sinh trái tát”.

VIII. NGáI CÔNG GIÁO HÔM QUA VÀ HÔM NAY

Suát thái Cách Máng Tháng Tám 1945 cho đán năm 1954, Công Giáo   ng há phong trào Viát Minh. Nhiáu ngá  i con Công Giáo, Trung Láng táp kát ra Bác. Linh mác Nguyễn Tráng Thắng, lúc đá còn là mát chú bé, nhá   i vào tháng 8 năm 1954, khi qua Công Giáo đá nhám chác cha sá cáa c  u là cha Táđ   Máng tháy trong làng đáy c   đá sao vàng. Các chác viác h   đáo nh  c cha s   m  i : “Cha ph  i đi theo t  i con, không thì sáp h  m ch  ng”.

Năm M  u Thân 1968, cánh quân ti  n đánh Quân Đoàn I    Đà Nẵng đã đi qua Trung L  ng, Công Giáo.

Sau năm 1975, nhi  u giáo dân nghèo ph  i đi   p nghi  p    vùng đ  t m  i Trà C  , Ea Súp..., h   hy sinh cho giáo xứ Công Giáo đ  c t  n t  i. M  t s   sang đ  nh c      Úc, Hoa K  , nhi  u nh  t t  i ti  u bang North Carolina. T   m  t nhóm nh  , nay Công Giáo có g  n 6.000 ng   i s  ng trên kh  p

miền đất nác và hái ngoái.

Vào thời bao cấp, hợp tác xã nông nghiệp Hòa Xuân, nơi có thôn Cồn Dũ, luôn đi đầu về nhiáu phong trào sán xuất và văn hóa. Vậy mà giờ đây, họ đang bị buộc phải láa quáe cha đất tá đi vào mát táng lai bất định, nháng chá cho nháng ngái giáu cá và quyán thá.

Không lẽ đất nác Việt Nam Xã Hội Chủ Nghĩa áp dụng chính sách “láy cáa dân nghèo cho ngái giáu” ????

Lm Antôn Nguyễn Tráng Thắng

(Tổng hợp từ các bài viết của ban Lịch sử giáo xứ Cồn Dũ (1980) ; lưu ý văn của chủng sinh NCT)

Đăng trong: Lm. NGUYỄN TRáNG THẮNG, Việt Nam / Thể : Giáo phận Đà Nẵng